

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7
Tên Tiếng Anh: DET MAY 7 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: Detmay 7 JSC
Điện thoại: (84 28). 3842.5372
Fax: (84 28) 3810.0489
Trụ sở: 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 154.111.000.000 đồng

Ngành nghề chính: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất các loại dây bện và lưới (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất các trang phục dệt kim, đan móc; Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm; In ấn; Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở); Sửa chữa máy móc thiết bị (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở); Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh dầu mỏ khí hóa lỏng và dầu nhớt cận); Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn phế liệu, phế thải (không hoạt động tại trụ sở) và các hàng hóa khác chưa được phân vào đâu); Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 28/02/1992, Bộ Tổng Tham mưu ra Quyết định số 53/QĐ-TM thành lập Xí nghiệp Dệt Nhuộm P7 (tên thường gọi trong Quân đội là Xí nghiệp Quân trang Quân khu 7) và ngày 28 tháng 02 trở thành ngày truyền thống của đơn vị;

- Xí nghiệp được đổi tên từ Xí nghiệp Dệt Nhuộm P7 thành Công ty Dệt May 7 theo Thông báo số 1119/DMDN ngày 13/3/1996 của Chính phủ và quyết định số 493/QĐ ngày 18/02/1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000314 cấp ngày 19/7/1996.

- Ngày 22/7/2010, Công ty Dệt May 7 được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Dệt May 7 theo Quyết định số 2640/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300509782 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2010;

- Ngày 06/12/2017, Công ty tiến hành cổ phần hóa theo quyết định số 5224/QĐ-BQP về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt May 7 thuộc Công ty TNHH MTV Đông Hải/Quân khu 7.

- Ngày 29/3/2017, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng ban hành quyết định số 943/QĐ-QP về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Dệt May 7 thuộc Công ty TNHH MTV Đông Hải/Quân khu 7 thành Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dệt May 7.

- Ngày 20/06/2017, Công ty đã tổ chức đại hội cổ đông lần thứ nhất, thành lập Công ty Cổ phần Dệt May 7.

- Ngày 03/07/2017, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0300509782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

- Ngày 24/10/2017, Công ty được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 7144/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Những thành tích được ghi nhận

- Xuất phát với tiền thân là một Xí nghiệp Dệt Nhuộm P7 của Bộ Quốc Phòng, với hơn 25 năm xây dựng, phát triển và nỗ lực không ngừng Công ty đã chủ động vươn lên, tìm kiếm thị trường và đối tác kinh doanh. Đến nay, Công ty Cổ phần Dệt May 7 đã khẳng định thương hiệu của mình.

- Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã đạt được các thành tích và giải thưởng đối với các sản phẩm, dịch vụ cụ thể như sau:

- + Huân chương Quân công hạng ba;
- + Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba;
- + Huân chương lao động hạng nhất;
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu về công tác AT-VSLĐ năm 2009, 2010;
- + Bằng khen Đạt thành tích trong quản lý, nghiên cứu Khoa học công nghệ và môi trường 5 năm (2006-2010);

- + Chứng nhận sản phẩm vàng – dịch vụ vàng Việt Nam cho sản phẩm vải xicaro in loang phục vụ cho bộ đội trong huấn luyện dã ngoại;
- + Bằng khen có thành tích xuất sắc trong tổ chức và tham gia hội chợ thương mại Việt Nam tại Campuchia hàng năm từ 2010 - 2017;
- + Giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” do Sở Tài nguyên môi trường và UBND TP.HCM trao tặng;
- + Top Doanh nghiệp Xuất sắc nhất Giải thưởng " Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển lần IV-2010”;
- + UBND TP.HCM tặng Bằng khen chấp hành tốt chế độ, nghĩa vụ thuế từ năm 2010 - 2016 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty luôn đề cao mục tiêu sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, mở rộng thị trường, tạo việc làm ổn định và cải thiện đời sống cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và xây dựng Công ty phát triển bền vững.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Mục tiêu về chiến lược của Công ty Cổ phần Dệt May 7 như sau: “Trở thành một trong những Công ty mạnh trong ngành dệt may, phấn đấu trở thành một trong các thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam. Trong đó, có khả năng cạnh tranh với thị trường trong và ngoài nước và tự chủ làm hàng FOB trực tiếp với nước ngoài (cấp 2) không qua Văn phòng đại diện của khách hàng, tự thiết kế, sản xuất theo hình thức ODM.

- Tập trung hàng xuất khẩu đi các nước Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, phát triển thêm thị trường trong nước và từng bước mở rộng sang thị trường của nước khác trong khu vực.

- Đầu tư và hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề để tận dụng năng lực, mở rộng sản xuất. Phát triển thêm các phương thức kinh doanh hàng nội địa, ngành nghề khác khi có điều kiện. Chủ động làm hàng FOB trực tiếp để có điều kiện lựa chọn NCC, NPL với giá cả hợp lý, tăng phần lãi thương mại, tăng lợi nhuận cho Công ty.

- Đầu tư mới, bổ sung và cải tiến công nghệ tiên tiến cho sản phẩm chủ lực, kết hợp với việc đầu tư cho chương trình sản xuất, kinh doanh hỗ trợ để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, phù hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường và nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng.

- Tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, theo hướng mở rộng, nâng cao năng lực của các đơn vị hiện có, cải tiến hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và khuyến khích cải tiến, sáng kiến của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, các quy định của Công ty, xây dựng Công ty phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

5. Yếu tố rủi ro

a. Rủi ro kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Công ty Cổ phần Dệt May 7.

- Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam có xu hướng tăng với biên độ khá lớn tạo ra sức tăng về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng lớn đến ngành hàng tiêu dùng bởi nhu cầu may mặc phụ thuộc nhiều vào nhu cầu của người tiêu dùng.

- Tình hình suy thoái kinh tế Thế giới, kinh tế trong nước chậm phục hồi, có hướng suy giảm; sức mua trong và ngoài nước giảm, gây nhiều khó khăn cho việc tiêu thụ hàng hóa và tìm kiếm khách hàng, Công ty có tỷ trọng hàng kinh tế cao nên chịu tác động lớn.

- Đối với quốc tế khi nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, cơ hội đối với ngành dệt may cũng đi kèm với thách thức không hề nhỏ. Do vậy, để đảm bảo nắm bắt cơ hội trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Dệt May 7 cần có sự nghiên cứu và chuẩn bị kỹ lưỡng các vấn đề luật pháp quốc tế để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

b. Rủi ro đặc thù ngành:

- Đặc thù của ngành dệt may hiện nay nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho nhu cầu sản xuất chủ yếu nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ, cũng như yêu cầu của khách hàng về chất lượng. Do đó, Công ty có thể sẽ gặp nhiều rủi ro khi giá nguyên vật liệu, tình hình cung ứng có nhiều biến động bất thường, ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị gia tăng của chuỗi giá trị sản xuất.

- Giá vật tư nguyên, nhiên liệu, sợi, hóa chất đều biến động theo chiều hướng tăng cao, không ổn định, thị trường ngành dệt may trong nước chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt với hàng nhập lậu, hàng giả, vì vậy đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Rủi ro nguồn nhân lực:

- Vấn đề tìm nguồn nhân công có tay nghề cao, ổn định; nguồn nhân lực trong bộ máy quản lý có trình độ chuyên môn luôn là điều mà lãnh đạo Công ty quan tâm và xác định là một trong những điều kiện quyết định đến sự phát triển lâu dài, bền vững cũng như hoàn thành các mục tiêu Công ty đề ra.

d. Rủi ro chính sách và pháp luật:

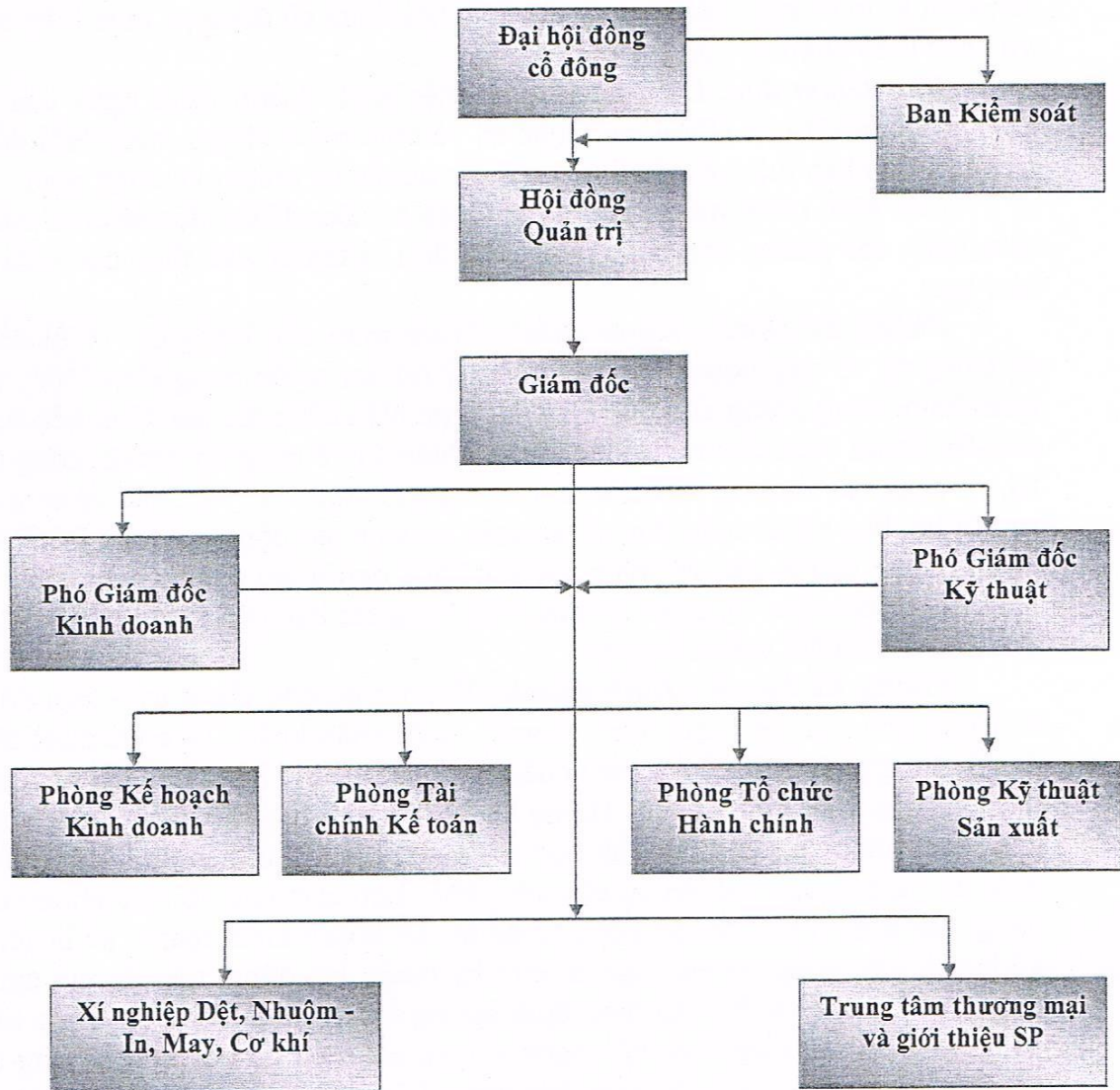
- Hiện tại Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Chứng khoán,... và các văn bản hướng dẫn thi hành. Những thay đổi trong hệ thống văn bản pháp luật có ảnh

hướng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Công ty. Để kiểm soát những mặt rủi ro về luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi kịp thời, từ đó đưa ra những kế hoạch phù hợp.

e. Rủi ro khác:

- Những rủi ro khác bao gồm những rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.

6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý Công ty:



Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội

đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty. Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc: Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các khối chức năng: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm điều hành các phòng ban chức năng, các đơn vị thành viên theo các khối lĩnh vực như sau:

Phòng Tổ chức – Hành chính: Tham mưu cho Đảng ủy – Hội đồng Quản trị Công ty về quy hoạch cán bộ, quản lý hồ sơ, tuyển dụng CB-CNV; về đề bạt quân hàm, nâng lương cho SQ, QNCN; thực hiện công tác lao động tiền lương; các chế độ, chính sách cho người lao động. Quản trị về công tác Đảng, công tác chính trị, về công tác tổ chức, tuyên huấn cán bộ, quân lực, dân vận, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ an toàn đơn vị, an toàn vệ sinh lao động, an toàn PCCN, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động. Quản trị về công tác hành chính của đơn vị, quản lý thực hiện công tác hậu cần, quản lý đội xe, quản lý doanh trại, nhà đất toàn Công ty.

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Tham mưu cho Đảng ủy – Hội đồng Quản trị trong lĩnh vực kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu. Tổ chức hoạt động kinh doanh đúng pháp luật và đạt hiệu quả cao nhất, quản lý hàng hóa vật tư đáp ứng kịp thời cho sản xuất kinh doanh. Thống kê đầy đủ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cung ứng phục vụ sản xuất kinh doanh - xuất nhập khẩu theo định kỳ lên Hội đồng quản trị và cơ quan nghiệp vụ cấp trên. Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc Công ty để lên kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch xây dựng cơ bản nghiên cứu kỹ thuật, lao động, tiếp thị tạo nguồn theo tháng, quý, năm và dài hạn theo định hướng chiến lược Công ty. Thực hiện chức năng điều độ sản xuất theo kế hoạch và yêu cầu tiến độ của khách hàng đảm bảo kịp thời và đáp ứng yêu cầu từng đơn hàng. Lập kế hoạch đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, nhà xưởng theo định hướng đầu tư của Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: Tham mưu cho Đảng ủy – Hội đồng Quản trị trong công tác tài chính, kế toán tài vụ, kiểm toán nội bộ, quản lý tài sản, thanh quyết toán các hợp đồng, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty, quản lý vốn tài

sản của Công ty. Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất theo kế hoạch, đảm bảo cân đối tài chính. Tổ chức công tác hạch toán, thống kê kế toán.

Phòng Kỹ thuật - Sản xuất: Tham mưu cho Đảng ủy – Hội đồng Quản trị công tác quản lý và giám sát kỹ thuật chất lượng, quản lý thiết bị vật tư, quản lý an toàn lao động, thiết kế kỹ thuật. Nghiên cứu, đề xuất và đưa vào ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ sản xuất để nâng cao năng lực vận hành thiết bị, năng suất lao động. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ, phương pháp vận hành an toàn thiết bị, quy phạm kỹ thuật của máy móc, thiết bị tại các phân xưởng. Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp an toàn kỹ thuật, giảm nhẹ cường độ lao động và cải thiện điều kiện của cán bộ công nhân viên, trình duyệt và tổ chức thực hiện. Kiểm tra, kiểm soát và báo cáo về công tác môi trường, trình Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt và gửi cho các cơ quan chức năng của Nhà nước theo đúng yêu cầu của pháp luật.

Xí nghiệp Dệt: Chuyên sản xuất, gia công dệt các loại vải đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty và nhu cầu của thị trường.

Xí nghiệp Nhuộm - In: Chuyên sản xuất, gia công nhuộm, in, căng sấy các loại vải đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và nhu cầu của thị trường.

Xí nghiệp May: Chuyên sản xuất các sản phẩm quân trang, đồng phục văn phòng và may xuất khẩu. Được sản xuất trên dây chuyền thiết bị của Nhật Bản. Đặc biệt là sản xuất các loại nhà loại bạt phục vụ cho Quốc phòng và dân sinh.

Xí nghiệp Cơ khí: Quản lý, vận hành, bảo trì toàn bộ hệ thống điện, máy móc, cấp thoát nước; chế tạo, gia công, sửa chữa chi tiết máy móc, phụ tùng phục vụ sản xuất; sản xuất và sơn tĩnh điện các loại khung nhà bạt, mái che, các sản phẩm Quốc phòng và dân dụng; thiết kế lắp đặt thiết bị điện nước, kết cấu xây dựng công trình dân dụng vừa và nhỏ.

Trung tâm Thương mại và giới thiệu sản phẩm: Giới thiệu, trưng bày và tư vấn các sản phẩm, mẫu mã do Công ty thiết kế và sản xuất.

7. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đại diện và sở hữu (cp)
1	Dương Trường	Giám đốc điều hành	3.800
2	Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc kinh doanh	0
3	Lê Thị Thùy Vân	Kế toán trưởng	2.000

8. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dệt May 7.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 15.411.100 cổ phần
- + Loại cổ phần lưu hành: cổ phần phổ thông.

+ Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 8.897.367 cổ phần

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 6.513.733 cổ phần

b. Cơ cấu:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước		15.411.100	154.111.000.000	100%
- Tổ chức	5	14.321.994	143.219.940.000	92,93%
- Cá nhân	126	1.089.106	10.891.060.000	7,07%
Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
- Tổ chức	-	-	-	-
- Cá nhân	-	-	-	-
Tổng cộng	131	15.411.100	154.111.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ, các chứng khoán khác: Không có.

9. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

a. Chính sách liên quan đến môi trường:

- Công tác bảo vệ môi trường đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới thông qua việc Nhà nước không ngừng kiện toàn cơ chế chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó nhấn mạnh, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, của mọi người, mọi cá thể vì môi trường có tác động qua lại, gắn kết hữu cơ với hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, từng lĩnh vực, từng ngành nghề. Do đó, Công ty Dệt May 7 luôn ý thức việc giữ gìn, bảo vệ môi trường là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Công ty Dệt May 7 đã triển khai nhiều biện pháp nhằm tối thiểu hóa những tác động gây ảnh hưởng đến môi trường như:

+ Cải tiến, đầu tư công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường, đầu tư nghiên cứu mẫu mã, chất lượng nhằm sản xuất những sản phẩm đạt chất lượng.

+ Công tác đánh giá, nghiên cứu về môi trường xung quanh của doanh nghiệp luôn được chú trọng, Công ty Dệt May 7 hướng đến đào tạo cá nhân chuyên môn hóa trong lĩnh vực này để có thể có được kiến thức chuyên môn, đưa ra những biện pháp nhằm giảm thiểu các vấn đề phát thải trong quá trình sản xuất, tuân thủ theo những quy định, quy chuẩn trong vấn đề bảo vệ môi trường.

b. Chính sách đối với người lao động:

Tổng nhân sự của công ty hiện nay là: 466 người.

Trong đó:

- Nhân sự có trình độ đại học và sau đại học: 65 người

- Nhân sự có trình độ cao đẳng và trung cấp: 76 người

- Lao động phổ thông: 325 người

Trình độ	Số lượng lao động (người) (Tại thời điểm 31/3/2018)	Tỷ trọng %
Phân theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp	359	77,04
Lao động gián tiếp	107	22,96
Phân theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học trở lên	65	13,95
Cao đẳng, trung cấp	76	0,16
Công nhân kỹ thuật, lao động sơ cấp	325	0,70
<i>Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt May 7</i>		

10. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a. Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 48 giờ/1 tuần. Chế độ làm việc theo ca áp dụng đối với bộ phận lao động trực tiếp (khối sản xuất). Chế độ làm việc theo giờ hành chính áp dụng đối với bộ phận lao động gián tiếp (khối văn phòng).

- Quy định thời gian làm việc:

+ Lao động làm theo giờ hành chính: Sáng từ 7h30 đến 11h30. Chiều từ 12h30' đến 16h30'

+ Đối với lao động trực tiếp sản xuất: Sản xuất theo ca, 8 giờ/ca.

b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Công ty hiện đang áp dụng quy chế trả lương theo từng bộ phận, trả lương phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công nhân viên và nhiệm vụ của từng bộ phận, tập thể trong công ty (trả lương theo năng suất chất lượng hiệu quả công tác).

- Các hình thức trả lương, thưởng:

+ Lương sản phẩm trực tiếp: Trả lương khoán sản phẩm cho người lao động căn cứ vào sản lượng thực hiện, có định mức về thời gian và đơn giá cho từng công việc cụ thể.

+ Trả lương cho khối gián tiếp: Trả lương cho các phòng, ban, bộ phận khối gián tiếp, quỹ lương hàng tháng được xác định trên cơ sở trả lương theo tỷ lệ quỹ lương gián tiếp trên tổng quỹ lương từng đơn vị do công ty phê duyệt.

+ Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Công ty có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dệt May 7, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu tới quyền lợi và uy tín Công ty.

c. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Công tác tuyển dụng luôn được Công ty Cổ phần Dệt May 7 chú trọng thực hiện, các đợt tuyển dụng được tiến hành công khai, công bằng tạo niềm tin cho các ứng viên có năng lực, trình độ khi quyết định ứng tuyển vào Công ty Cổ phần Dệt May 7.

11. Tình hình hoạt động trong năm 2017

- Năm 2017 thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2015-2020, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập nhiệm kỳ I (2017-2020) đảm bảo đúng hướng, đúng pháp luật, đẩy mạnh công tác tiếp thị, tạo nguồn đảm bảo sản xuất ổn định, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Các chỉ tiêu đã đạt được trong 6 tháng cuối năm, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2017
1	Tổng doanh thu	459.948
2	Lợi nhuận trước thuế	25.565

- Quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung cổ phần hóa Công ty và chuyển đổi mô hình hoạt động hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị vững mạnh xuất sắc.

- Thực hiện tốt công tác đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng và sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị theo đúng quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng quân khu và Công ty, bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững.

II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 là năm tương đối khó khăn trong 10 năm trở lại đây đối với ngành Dệt May Việt Nam, áp lực chi phí tiền lương, BHXH tăng cao, không còn lợi thế về nhân công giá rẻ, giá thành cao hơn một số nước trong khu vực, dòng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đang chững lại, việc chuyển nhượng doanh nghiệp diễn ra nhiều hơn so với các năm trước, sức cạnh tranh giảm so với các nước. Tuy nhiên Công ty vẫn duy trì các hoạt động ổn định và đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

a. Tình hình tài sản:

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	6 tháng cuối năm 2017
Tài sản ngắn hạn	347.994
Tài sản dài hạn	163.347

b. Tình hình nợ phải trả:

Đvt: %

CHỈ TIÊU	6 tháng cuối năm 2017	%
Tổng nợ/nguồn vốn	336.844/511.341	65,87
Nợ ngắn hạn/tổng nợ	336.844/336.844	100%

3. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

a. Dự kiến nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018:

- Doanh thu: 763.500 triệu đồng, so với thực hiện năm 2017 đạt 100%.
- Lợi nhuận: 50.000 triệu đồng, so với thực hiện năm 2017 đạt 125 %.
- Nộp ngân sách: 53.586 triệu đồng, so với thực hiện năm 2017 đạt 124%.
- Nộp Bộ Quốc phòng: 3.169 triệu đồng
- Nộp về Công ty Đông Hải (cổ tức): 7.859 triệu đồng
- Nộp cơ quan Nhà nước : 30.239 triệu đồng
- Tổng quỹ lương: 81.000 triệu đồng so với thực hiện năm 2017 đạt 126%.
- Thu nhập bình quân: 10.500.000 đ/người/tháng
- Lao động bình quân: 758 người
- Dự kiến chia cổ tức: 10%

b. Dự kiến đầu tư thiết bị mở rộng sản xuất:

Công ty xin đầu tư thiết bị bằng nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển, vốn khác và nguồn khấu hao cơ bản năm 2018 là 69.476 triệu đồng cho các thiết bị sau:

- Cân điện tử: 350 triệu đồng
- Máy phát điện: 1.300 triệu đồng
- Máy hấp vải: 14.466 triệu đồng
- Hệ thống hút mùi máy hấp: 360 triệu đồng
- Hệ thống máy phụ trợ Xí nghiệp May: 1.000 triệu đồng
- Máy nén khí: 2.000 triệu đồng
- Máy dệt khí (20 cái): 28.000 triệu đồng
- Máy hồ mặc: 22.000 triệu đồng

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đại diện và sở hữu (cp)
1	Lại Thị Bảy	Chủ tịch HĐQT	4.760.497
2	Hà Hồng Quân	TV.HĐQT	1.769.332
3	Đình Quang Nhân	TV.HĐQT	1.584.632
4	Nguyễn Thanh Dương	TV.HĐQT	0
5	Phan Đức Lê Hoàng	TV.HĐQT	0

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quy định tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp. Hàng quý Hội đồng Quản trị đều thực hiện về tình hình hoạt động của Công ty thông qua số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tháng 7 năm 2017, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức cổ phần. Hội đồng Quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo, giám sát điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đã tổ chức 10 phiên họp, bám sát tình hình thực tế ban hành các Nghị quyết để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, tổ chức nhân sự, xây dựng chiến lược phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng Quản trị.

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	20/6/2017	Về việc bầu Chủ Tịch HĐQT.
2	02/NQ-HĐQT	24/6/2017	Thông nhất bổ nhiệm Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc kinh doanh và kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý.
3	03/NQ-HĐQT	10/7/2017	Phê duyệt ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và Quy chế hoạt động của Công ty.
4	04/NQ-HĐQT	23/8/2017	Thông nhất chủ trương đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
5	05/NQ-HĐQT	06/9/2017	Thông nhất phê duyệt chủ trương, giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh trong 4 tháng cuối năm 2017.

6	06/NQ-HĐQT	18/9/2017	Thông nhất phê duyệt về đầu tư máy móc thiết bị; về sản xuất hàng thị trường; vay vốn để sản xuất kinh doanh.
7	07/NQ-HĐQT	12/10/2017	Nhất trí đầu tư máy may và máy hấp vải phục vụ cho Xí nghiệp May và Xí nghiệp Nhuộm; Khen thưởng phong trào thi đua quyết thắng giai đoạn (2012-2017) và khen thưởng 6 tháng đầu năm 2017.
8	08/NQ-HĐQT	11/11/2017	Thông qua việc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường Upcom; Tổ chức xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
9	09/NQ-HĐQT	09/12/2017	Thông nhất chủ trương sử dụng nguồn khấu hao năm 2018 và 2019 để đầu tư máy móc thiết bị và xây dựng hệ thống nhà xưởng dệt; Triển khai chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và kế hoạch tuyển dụng nhân sự năm 2018.
10	10/NQ-HĐQT	22/12/2017	Thông nhất phê duyệt hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ mua nhà ở xã hội; Chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán báo cáo chủ sở hữu vốn.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đại diện và sở hữu (cp)
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát	2.100
2	Nguyễn Thị Mộng Vân	TV. Ban Kiểm Soát	0
3	Nguyễn Thị Hồng Thúy	TV. Ban Kiểm Soát	0

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Từ khi chính thức hoạt động mô hình Công ty Cổ phần, Ban Kiểm soát đã thực hiện xem xét các báo cáo quý, 6 tháng, năm và các vấn đề có liên quan đến

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 03/07/2017 đến 31/12/2017
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 31

052
C
ÁCH
TCH
I CH
VÀ I
/ /

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 03/07/2017 đến 31/12/2017.

Khái quát

Công ty Cổ phần Dệt May 7 tiền thân là Công ty TNHH MTV Dệt May 7 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300509782 ngày 08/12/2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt May 7 theo quyết định số 943/QĐ-BQP ngày 29/03/2017 của Bộ Quốc Phòng. Thời điểm chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 03/07/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần thay đổi lần 4 ngày 03/07/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Dệt, nhuộm, in, may; Gia công sản phẩm cơ khí; Mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt, nhuộm, in, may, cơ khí.

Trụ sở chính của Công ty tại 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị:

Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Hồng Quân	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Quang Nhẫn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên HĐQT
Ông Phan Đức Lê Hoàng	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc:

Ông Dương Trường	Giám đốc điều hành	Từ ngày 10/07/2017
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó giám đốc	Từ ngày 10/07/2017

Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mộng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 03/07/2017 đến 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lại Thị Bảy

Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018





Số: 090/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May 7

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt May 7, được lập ngày 22/03/2018, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May 7 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 03/07/2017 đến 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Phó Giám đốc**



Cao Thị Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Chí Thanh
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2819-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	03/07/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.994.106.434	306.661.383.152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	112.628.419.100	88.124.603.643
1. Tiền	111		18.628.419.100	88.124.603.643
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.581.042.961	78.418.376.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	104.947.998.347	67.752.119.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	265.565.300	7.223.322.780
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	-	3.380.191.933
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	540.551.764	62.741.676
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(173.072.450)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	129.399.464.373	137.477.312.304
1. Hàng tồn kho	141		129.399.464.373	137.477.312.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		385.180.000	2.641.090.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	385.180.000	2.641.090.908
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.346.827.669	175.280.374.782
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		149.357.295.860	158.479.453.807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	149.357.295.860	158.479.453.807
- Nguyên giá	222		349.891.460.047	341.340.022.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.534.164.187)	(182.860.568.340)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.989.531.809	16.800.920.975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	13.989.531.809	16.800.920.975
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		511.340.934.103	481.941.757.934

33052
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ B
N
VI - T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	03/07/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		336.844.001.376	322.941.442.709
I. Nợ ngắn hạn	310		336.844.001.376	322.941.442.709
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	38.271.381.375	55.663.332.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	264.735.126.529	167.006.257.237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	5.688.019.061	3.681.012.549
4. Phải trả người lao động	314		10.285.140.045	4.518.697.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	681.361.604
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	12.304.709.550	79.736.683.845
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.559.624.816	11.654.097.365
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.496.932.727	159.000.315.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	174.496.932.727	159.000.315.225
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.111.000.000	154.111.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.889.315.225
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.385.932.727	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		511.340.934.103	481.941.757.934

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT






Đặng Thị Thanh

Lê Thị Thùy Vân

Lại Thị Bảy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	459.884.722.289	302.043.667.703
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		459.884.722.289	302.043.667.703
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	414.336.046.367	279.917.237.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.548.675.922	22.126.430.220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	57.019.126	26.381.945
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	454.116.086	490.038.909
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		454.116.086	490.038.909
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.195.000.652	2.027.742.938
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.384.459.702	5.708.487.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.572.118.608	13.926.542.707
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.772.026	989.126.258
12. Chi phí khác	32	VI.6	12.974.725	362.662.029
13. Lợi nhuận khác	40		(7.202.699)	626.464.229
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.564.915.909	14.553.006.936
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	5.178.983.182	3.366.241.283
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.385.932.727	11.186.765.653
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	983	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	983	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Đặng Thị Thanh

Lê Thị Thùy Vân

Lại Thị Bảy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		457.873.041.234	354.370.925.589
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(306.533.135.682)	(234.752.538.957)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.190.334.856)	(41.289.424.113)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(454.116.086)	(490.038.909)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.058.529.421)	(6.508.657.780)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.356.803.655	84.087.351.535
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(100.105.582.913)	(32.902.688.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.888.145.931	122.514.928.616
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.441.349.600)	(7.354.162.177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.019.126	26.381.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.384.330.474)	(7.327.780.232)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		50.000.000.000	15.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(50.000.000.000)	(45.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(30.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		24.503.815.457	85.187.148.384
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		88.124.603.643	2.937.455.259
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	112.628.419.100	88.124.603.643

Người lập biểu

Đặng Thị Thanh

Kế toán trưởng

Lê Thị Thùy Vân

Chủ tịch HĐQT



Lại Thị Bảy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May 7 tiền thân là Công ty TNHH MTV Dệt May 7 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300509782 ngày 08/12/2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt May 7 theo quyết định số 943/QĐ-BQP ngày 29/03/2017 của Bộ Quốc Phòng. Thời điểm chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 03/07/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần thay đổi lần 4 ngày 03/07/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Dệt, nhuộm, in, may; Gia công sản phẩm cơ khí; Mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt, nhuộm, in, may, cơ khí.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Ngày 03/07/2017 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần nên kỳ kế toán 6 tháng cuối năm 2017 của Công ty bắt đầu từ ngày 03/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2138
CÔNG
NHẬN
IVU
TÍNH
KIỂM
TAM V
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	02 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	02 - 05
- Phương tiện vận tải	06 - 10	03

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Tiền mặt	319.274.436	505.701.960
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.309.144.664	87.618.901.683
Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng	94.000.000.000	-
Cộng	112.628.419.100	88.124.603.643

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Công ty Cổ Phần 26	11.440.226.562	4.951.777.127
Công ty Thanh Hà	13.244.067.856	10.393.538.372
Công ty Cổ Phần 32	474.578.134	828.113.042
Công ty Cổ Phần Dệt May Nha Trang	-	16.885.976.846
Cục Quân Nhu -TCHC	33.174.635.347	13.609.733.595
Công ty Cổ Phần 199	14.062.389.234	5.491.523.422
Các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.552.101.214	15.591.457.504
Cộng	104.947.998.347	67.752.119.908

3. Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
ARIOLI S.P.A	-	7.183.068.300
Đối tượng khác	265.565.300	40.254.480
Cộng	265.565.300	7.223.322.780

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dệt May 7 - Xí Nghiệp May Hậu Cần	-	3.361.283.050
Xí nghiệp may	-	18.908.883
Cộng	-	3.380.191.933

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Tạm ứng	76.216.080	40.920.104
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN của CBCNV	208.569.033	-
Phải thu khác	255.766.651	21.821.572
Cộng	540.551.764	62.741.676

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.951.289.475	6.550.921.298
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.485.673.740	44.594.968.418
Thành phẩm	83.962.501.158	86.331.422.588
Cộng	129.399.464.373	137.477.312.304



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	49.407.297.991	286.584.486.994	5.348.237.162	341.340.022.147
Số tăng trong kỳ	-	8.609.907.900	14.510.000	8.624.417.900
- Mua trong kỳ	-	8.609.907.900	-	8.609.907.900
- Tặng khác	-	-	14.510.000	14.510.000
Số giảm trong kỳ	-	-	72.980.000	72.980.000
- Điều chuyển theo QĐ 6444/QĐ-BTM	-	-	72.980.000	72.980.000
Số dư cuối kỳ	49.407.297.991	295.194.394.894	5.289.767.162	349.891.460.047
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	31.814.391.756	147.288.062.196	3.758.114.388	182.860.568.340
Số tăng trong kỳ	1.967.091.253	15.513.783.755	252.726.615	17.733.601.623
- Khấu hao trong kỳ	1.967.091.253	15.513.783.755	252.726.615	17.733.601.623
Số giảm trong kỳ	-	-	60.005.776	60.005.776
- Điều chuyển theo QĐ 6444/QĐ-BTM	-	-	60.005.776	60.005.776
Số dư cuối kỳ	33.781.483.009	162.801.845.951	3.950.835.227	200.534.164.187
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	17.592.906.235	139.296.424.798	1.590.122.774	158.479.453.807
Tại ngày cuối kỳ	15.625.814.982	132.392.548.943	1.338.931.935	149.357.295.860

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 12.768.595.555 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	385.180.000	2.641.090.908
Chi phí thuê máy dệt	-	2.641.090.908
Chi phí sửa chữa nhà kho XN Dệt	385.180.000	-
b. Dài hạn	13.989.531.809	16.800.920.975
Công cụ dụng cụ xuất dùng	611.121.047	746.828.063
Lợi thế thương mại	13.378.410.762	16.054.092.912
Cộng	14.374.711.809	19.442.011.883

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ Phần X20	-	-	5.628.087.670	5.628.087.670
CN Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	6.476.913.871	6.476.913.871	6.052.252.741	6.052.252.741
Tổng Công ty Cổ Phần Phong Phú	-	-	16.857.510.566	16.857.510.566
Công ty TNHH La Giang	-	-	79.192.515	79.192.515
Công ty TNHH Chan Chem	510.138.874	510.138.874	49.352.875	49.352.875
Công ty TNHH SX TM ĐT Phát Triển Nam Phú	968.400.000	968.400.000	6.778.800.000	6.778.800.000
Công ty TNHH Thương Mại Anh Linh	1.672.777.072	1.672.777.072	1.176.065.272	1.176.065.272
Công ty TNHH Đầu Tư SX - TM Thanh Quang	-	-	230.771.430	230.771.430
Công ty TNHH Việt Ân	661.093.620	661.093.620	2.010.253.960	2.010.253.960
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	9.514.200.174	9.514.200.174	32.734.600	32.734.600
Công ty TNHH SX TM Thành Vinh	3.304.501.746	3.304.501.746	1.767.609.597	1.767.609.597
Phải trả các đối tượng khác	15.163.356.018	15.163.356.018	15.000.701.465	15.000.701.465
Cộng	38.271.381.375	38.271.381.375	55.663.332.691	55.663.332.691

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Cục Tài Chính - BQP	250.000.000.000	166.000.000.000
Tổng Cục Hậu Cần Kỹ Thuật - Bộ Công An	11.950.000.000	-
Cục Doanh trại - TCHC	2.217.000.000	-
Các đối tượng khác	568.126.529	1.006.257.237
Cộng	264.735.126.529	167.006.257.237

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	03/07/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	990.786.170	10.851.712.098	10.328.307.663	1.514.190.605
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.619.608	1.619.608	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.061.115.421	5.178.983.182	4.058.529.421	3.181.569.182
Thuế thu nhập cá nhân	409.208.578	629.043.333	45.992.637	992.259.274
Thuế, phí và lệ phí khác	219.902.380	-	219.902.380	-
Cộng	3.681.012.549	16.661.358.221	14.654.351.709	5.688.019.061

12. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2017	03/07/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.192.652.095	809.978.488
Bảo hiểm xã hội	554.075.325	746.885.561
Bảo hiểm y tế	76.167.504	92.802.830
Bảo hiểm thất nghiệp	32.064.828	34.320.010
Thuế nhà đất	995.991.307	497.995.665
Phải trả cổ phần hóa	-	68.494.070.713
Phòng tài chính QK7 (nộp chi tiêu)	5.500.000.000	6.300.000.000
Thủ lao, CP tư vấn cổ phần hóa	3.836.952.724	2.661.078.548
Phải trả khác	116.805.767	99.552.030
Cộng	12.304.709.550	79.736.683.845

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Trong kỳ		03/07/2017	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-

14. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ (03/07/2017)	154.111.000.000	4.889.315.225	-	159.000.315.225
Lãi trong kỳ			20.385.932.727	20.385.932.727
Các khoản điều chỉnh cổ phần hóa		(4.889.315.225)		(4.889.315.225)
Số dư cuối kỳ (31/12/2017)	154.111.000.000	-	20.385.932.727	174.496.932.727

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	%	03/07/2017 VND	%
Công ty TNHH MTV Đông Hải	78.596.610.000	51	78.596.610.000	51
Vốn góp của các đối tượng khác	75.514.390.000	49	75.514.390.000	49
Cộng	154.111.000.000	100	154.111.000.000	100

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Vốn góp đầu năm	154.111.000.000	115.320.815.483
Vốn góp tăng trong kỳ	-	38.790.184.517
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	154.111.000.000	154.111.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	459.884.722.289	302.043.667.703
Cộng	459.884.722.289	302.043.667.703

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Giá vốn thành phẩm	414.336.046.367	279.917.237.483
Cộng	414.336.046.367	279.917.237.483

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.630.151	14.979.845
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.388.975	11.402.100
Cộng	57.019.126	26.381.945

4. Chi phí tài chính

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Lãi tiền vay	454.116.086	490.038.909
Cộng	454.116.086	490.038.909

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	1.544.172.137	477.600.885
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	240.199.200	538.163.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.734.135	126.435.593
Chi phí khác	2.330.895.180	885.543.298
Cộng	4.195.000.652	2.027.742.938
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	2.842.286.186	396.304.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định trong kỳ	962.787.986	1.081.562.358
Chi phí điều chỉnh khấu hao tài sản cố định theo kiểm toán Nhà nước	-	(1.561.793.765)
Chi phí khác	11.579.385.530	5.792.414.625
Cộng	15.384.459.702	5.708.487.611

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Thu nhập khác, Chi phí khác

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
a. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	5.772.026	989.126.258
Cộng	5.772.026	989.126.258
b. Chi phí khác		
Chi thanh lý TSCĐ	-	174.545.455
Phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp	-	186.684.301
Chi phí khác	12.974.725	1.432.273
Cộng	12.974.725	362.662.029

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.564.915.909	14.553.006.936
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	330.000.000	(717.227.782)
- Các khoản điều chỉnh tăng	330.000.000	1.320.746.944
+ Chi phí không được khấu trừ	330.000.000	1.320.746.944
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	2.037.974.726
+ Lợi nhuận đã tính thuế theo thanh tra thuế	-	2.037.974.726
Tổng lợi nhuận tính thuế	25.894.915.909	13.835.779.154
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.178.983.182	2.767.155.831
Thuế TNDN theo thanh tra thuế	-	599.085.452
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	5.178.983.182	3.366.241.283

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	20.385.932.727
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(5.242.710.185)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	5.242.710.185
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	15.143.222.542
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.411.100
Lãi trên cổ phiếu	
- Lãi cơ bản	983
- Lãi suy giảm	983

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này.

Công ty Cổ phần Dệt May 7 được chuyển đổi từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần từ ngày 03/07/2017, Công ty không phải trình bày lãi trên cổ phiếu giai đoạn công ty TNHH MTV. Do đó, lãi trên cổ phiếu không có giữ liệu so sánh cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017.

(*) Ghi chú: Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong kỳ này là phần quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính theo Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2017 số 34/DM7-TCKT ngày 30/01/2018.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234.317.888.450	268.841.448.503
Chi phí nhân công	33.397.458.578	8.678.708.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.733.601.623	21.776.183.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	137.988.341.962	19.364.042.023
Cộng	423.437.290.613	318.660.382.472

1388
 CÔNG TY
 NIÊM HỮU
 VỤ TỰ
 NH KẾ
 TÍNH TỐ
 M VIỆT
 P. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Ban điều hành trong kỳ như sau:

	Từ 03/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Lương	834.532.992
Thù lao	132.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt may, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng Quản trị cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	336.844.001.376	-	336.844.001.376
Phải trả người bán	38.271.381.375	-	38.271.381.375
Người mua trả tiền trước	264.735.126.529	-	264.735.126.529
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	33.837.493.472	-	33.837.493.472
Số đầu kỳ	322.941.442.709	-	322.941.442.709
Phải trả người bán	55.663.332.691	-	55.663.332.691
Người mua trả tiền trước	167.006.257.237	-	167.006.257.237
Chi phí phải trả	681.361.604	-	681.361.604
Phải trả khác	99.590.491.177	-	99.590.491.177

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

e) Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2017		03/07/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền, tương đương tiền	112.628.419.100	-	88.124.603.643	-
Phải thu khách hàng	104.947.998.347	173.072.450	67.752.119.908	-
Phải thu khác	806.117.064	-	10.666.256.389	-
Cộng	218.382.534.511	173.072.450	166.542.979.940	-

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	03/07/2017
Phải trả cho người bán	38.271.381.375	55.663.332.691
Người mua trả tiền trước	264.735.126.529	167.006.257.237
Chi phí phải trả	-	681.361.604
Phải trả khác	33.837.493.472	99.590.491.177
Cộng	336.844.001.376	322.941.442.709



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

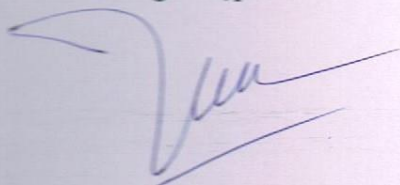
4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Người lập biểu



Đặng Thị Thanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng



Lê Thị Thùy Vân

Chủ tịch HĐQT



Lại Thị Bảy

